

Bản án số: 187/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận A (nay là phường A, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện tại: Số F F, FunaFuku-mura, Nakaniikawa-gun, tỉnh Toyama, Nhật Bản; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Sơn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận A (nay là phường A, thành phố Hải Phòng); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008, chị và anh Trần Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2020, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến năm 2022, chị N xuất khẩu lao động sang Nhật Bản làm việc, mỗi người một nơi nên anh chị ít liên lạc với nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ giữa năm 2022 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T có bốn con chung là Trần Thị Phương A, sinh ngày 05/10/2009, Trần Minh Á, sinh ngày 05/7/2011, Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/11/2013, Trần Nguyễn Đức P, sinh ngày 22/5/2017. Ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giao 04 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn là anh Trần Sơn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008, anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và có 04 con chung, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2020, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Năm 2022, chị N xuất khẩu lao động sang Nhật Bản làm việc. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau và sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có bốn con chung là Trần Thị Phương A, sinh ngày 05/10/2009, Trần Minh Á, sinh ngày 05/7/2011, Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/11/2013, Trần Nguyễn Đức P, sinh ngày 22/5/2017. Trong thời gian chị N đi nước ngoài, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 04 con chung nên anh đề nghị Tòa án giao 04 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N và anh T đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung

vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Sơn T. Về con chung: Giao bốn con tên là Trần Thị Phương A, sinh ngày 05/10/2009, Trần Minh Á, sinh ngày 05/7/2011, Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/11/2013, Trần Nguyễn Đức P, sinh ngày 22/5/2017 cho anh Trần Sơn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Sơn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Trần Sơn T cư trú tại phường H, quận A (nay là phường A, thành phố Hải Phòng) và nguyên đơn đang làm việc tại Nhật Bản. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Trần Sơn T đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Nguyễn Thị N và anh Trần Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, quan hệ hôn

nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Sơn T là hôn nhân hợp pháp theo Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm. Từ năm 2022, chị N xuất khẩu sang Nhật Bản làm việc nên anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Anh T và chị N có bốn con chung là Trần Thị Phương A, sinh ngày 05/10/2009, Trần Minh Á, sinh ngày 05/7/2011, Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/11/2013, Trần Nguyễn Đức P, sinh ngày 22/5/2017. Trong thời gian chị N đi nước ngoài, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 04 con chung và các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất thỏa thuận giao 04 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Giao bốn con tên là Trần Thị Phương A, sinh ngày 05/10/2009, Trần Minh Á, sinh ngày 05/7/2011, Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/11/2013, Trần Nguyễn Đức P, sinh ngày 22/5/2017 cho anh Trần Sơn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Sơn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Sơn T.

- Về con chung: Giao bốn con tên là Trần Thị Phương A, sinh ngày 05/10/2009, Trần Minh Á, sinh ngày 05/7/2011, Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/11/2013, Trần Nguyễn Đức P, sinh ngày 22/5/2017 cho anh Trần Sơn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Sơn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001274 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Trần Sơn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường An Phong, TP Hải Phòng (ĐKKH ngày 29/02/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà

.

